

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2331/UBND-CNXD
V/v xin ý kiến về Quy hoạch
thăm dò, khai thác và chế
biến khoáng sản (trừ khoáng
sản làm VLXD và sản xuất
ximăng) tỉnh Quảng Ngãi,
giai đoạn 2011 - 2020

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 7 năm 2012

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 21003
	Ngày: 18/7/2012
	Chuyên:.....

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Công Thương.

Từ năm 2009, tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai xây dựng Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất ximăng) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011- 2020 (gọi tắt là Quy hoạch), Quy hoạch đã cơ bản được xây dựng xong đáp ứng các nội dung cần thiết theo quy định và theo Đề cương và dự toán được duyệt tháng 8/2010.

Do yếu tố khách quan, Quy hoạch được lập rơi đúng vào thời điểm có sự thay đổi quy định của pháp luật về khoáng sản. Luật Khoáng sản 2010 thay thế Luật Khoáng sản 2005, có hiệu lực từ ngày 01/7/2011 nhưng Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản có hiệu lực từ ngày 25/4/2012 nên UBND tỉnh Quảng Ngãi chưa thể phê duyệt Quy hoạch này được.

Theo quy định tại điểm b, Điều 15 Luật Khoáng sản 2010: “Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổ chức lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan về quy hoạch khoáng sản trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định”.

Theo quy định tại điểm b, Điều 9, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP: “Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được lập đối với khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố”. Tuy nhiên, đến nay Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa hoàn thành việc khoanh định và công bố khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

Để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương xem xét, thỏa thuận nội dung của Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất ximăng) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2020 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Quy hoạch thăm dò khoáng sản:

1. Thăm dò khoáng sản giai đoạn 2011 - 2015:

a) Thăm dò mở rộng mỏ Graphit Hung Nhượng và chuyển đổi cấp trữ lượng:

Trước mắt, mỏ Hung Nhượng sẽ được chuyển đổi trữ lượng từ cấp C₁, C₂ đã thăm dò sang cấp trữ lượng 122 theo yêu cầu tại Quyết định 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có đủ cơ sở, phù hợp quy định cấp phép khai thác, chế biến tại chòm thân quặng 6 và 9, rút ngắn thời gian đầu tư.

Nhiệm vụ cần thiết là thăm dò đầy u₃, toàn diện các thân quặng graphit, phát hiện thêm các thân quặng mới để có tổng trữ lượng lớn đáp ứng đủ cho nhà máy chế biến với công nghệ hiện đại, phát triển bền vững gắn với kế hoạch sử dụng đất hợp lý để có thể khai thác toàn bộ tài nguyên, trữ lượng graphit trong lòng đất bao gồm cả khai thác lộ thiên và hầm lò.

b) Thăm dò các mỏ Kaolin: Đồng Trôi, Nghĩa Thắng, Ba Gia:

Đặc điểm mỏ kaolin Đồng Trôi thuộc xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh, mỏ Nghĩa Thắng thuộc xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, mỏ Ba Gia thuộc xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh đều có diện phân bố các thân quặng hầu hết nằm trong vùng có mật độ dân cư khá cao và trong đất sản xuất của nhân dân. Do đó, trong quá trình thăm dò cần có biện pháp bảo vệ môi trường và ảnh hưởng ít nhất đến đời sống nhân dân trong vùng.

Dự báo tổng tài nguyên sét kaolin của nhóm mỏ Đồng Trôi, Nghĩa Thắng, Ba Gia là tương đối lớn, khoảng 16 triệu tấn, là nguồn nguyên liệu có giá trị để sản xuất vật liệu xây dựng và gốm sứ. Theo đánh giá chung, tài nguyên kaolin của các tỉnh Trung Trung Bộ và Tây Nguyên là khá ít nên nguồn tài nguyên khoáng nguyên liệu này có ý nghĩa quan trọng.

c) Thăm dò các mỏ, điểm quặng sắt vùng Mộ Đức:

Tiến hành thăm dò chi tiết quặng sắt tại núi Vom (núi Vồng) xã Đức Hiệp, núi Khoáng xã Đức Tân, huyện Mộ Đức theo giấy phép thăm dò số 2655/GP-BTNMT ngày 24/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp cho Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Vạn Lợi - Quảng Ngãi.

Tiếp tục thăm dò chi tiết khu vực núi Văn Bàn xã Đức Chánh, đồi An Hội xã Đức Minh, huyện Mộ Đức để xác định, làm rõ phần diện tích khai thác hiệu quả, quy mô về trữ lượng và chất lượng quặng trong quá trình khai thác của các doanh nghiệp đã được UBND tỉnh cấp phép.

Lựa chọn công nghệ khai thác, chế biến phù hợp với quy mô, chất lượng và đặc tính loại quặng từ tính thấp của vùng Mộ Đức để làm cơ sở cho quy hoạch công nghiệp, luyện kim miền Trung và các dự án đầu tư liên quan tại Khu kinh tế Dung Quất.

d) Thăm dò các điểm nước khoáng, nước nóng:

Đặc điểm chung của các nguồn nước khoáng - nước nóng tại Quảng

Ngãi là có nhiệt độ địa hóa mức trung bình khoảng từ 160 - 180⁰C, độ khoáng hóa thấp, thuộc loại silic, silic - fluor /sulfurhydro, nhiệt độ phun xuất khoảng 70- 80⁰C, dải lưu lượng từ 0,7 - 15 lit/s, có thể xây dựng các điểm tắm nước khoáng chữa bệnh và khai thác điện địa nhiệt ở mức độ nghiên cứu sâu hơn và chi tiết hơn.

Mở rộng thăm dò ngoài điểm xuất lộ 601, tại khu vực thôn Bình Đông, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng với diện tích 1,553 Km² với mục đích đóng chai và chữa bệnh.

Tiến hành thăm dò bổ sung tiếp theo để sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu nguồn Nước khoáng nước nóng Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa và Thạch Trụ, huyện Mộ Đức.

2. Thăm dò khoáng sản giai đoạn 2016 - 2020:

Với mục tiêu chuẩn bị trữ lượng khoáng sản nhằm đáp ứng cho các kỳ phát triển kinh tế giai đoạn sau năm 2020; trong giai đoạn 2016 - 2020 sẽ chú trọng đầu tư thăm dò các loại hình khoáng sản có giá trị như: Vàng, graphit, liti - thiếc.

a) Thăm dò 03 diện tích vùng Trà Thanh, Trà Sơn, Làng Mon:

Đối với quặng vàng, quan điểm là chỉ thăm dò, khai thác đối với mỏ vàng gốc theo hướng gắn với chế biến sâu (không cấp phép khai thác vàng sa khoáng), sử dụng công nghệ hiện đại, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường; địa phương có trách nhiệm bảo vệ các mỏ vàng chưa khai thác.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 Nhà nước cần có kế hoạch đầu tư vốn điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản vàng vùng này để làm cơ sở lựa chọn hợp lý các diện tích có triển vọng, cho tiến hành thăm dò.

b) Thăm dò các điểm quặng Graphit ở vùng Tây Trà, Trà Bồng:

Các điểm quặng này và các diện tích lân cận có quặng graphit nhưng mức độ điều tra còn thấp, cần thiết đầu tư thăm dò xác định trữ lượng nhằm bổ sung trữ lượng cho mỏ Hưng Nhượng trong giai đoạn sau này để tạo nên vùng khai thác, chế biến quặng graphit có quy mô và công nghệ tiên tiến.

c) Thăm dò điểm quặng Liti và thiếc vùng La Vi, huyện Ba Tơ:

Mục tiêu thăm dò là để chuẩn bị công nghệ khai thác và chế biến trong thập kỷ tới, tạo nên cơ sở khai thác, chế biến quặng Liti đầu tiên của Việt Nam.

Tài nguyên quặng Liti đã điều tra là không lớn, nhưng đây là điểm quặng Liti đã biết duy nhất của Việt Nam đến thời điểm này. Các sản phẩm chế biến từ quặng Liti được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp môi trường, điện hạt nhân Rất cần thăm dò vùng mỏ này để xác định trữ lượng quặng Liti chuẩn bị cho đầu tư khai thác, chế biến sau này.

II. Quy hoạch khai thác, chế biến khoáng sản giai đoạn 2011 – 2020:

Trong giai đoạn 2011 - 2020, việc khai thác, chế biến khoáng sản ưu tiên quan tâm đến một số loại hình khoáng sản đã được tỉnh Quảng Ngãi, Chính

phủ cấp phép, có dự án đầu tư, bao gồm các loại khoáng sản nằm trong quy hoạch chung của cả nước.

Đồng thời một số mỏ/điểm khoáng sản có quy mô trung bình nhỏ, có điều kiện khai thác thuận lợi, quy trình công nghệ không phức tạp, nằm trong diện tích các dự án xây dựng công trình hạ tầng khác cần được ưu tiên cấp phép khai thác trước để hoàn nguyên hoàn thổ môi trường, đồng bộ về thời gian.

1. Quặng sắt vùng Mộ Đức:

Tại vùng quặng sắt Mộ Đức, nhìn chung chất lượng quặng thấp, một số mỏ/điểm mỏ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh cấp phép thăm dò, khai thác cùng với lập dự án đầu tư khai thác, chế biến do vậy được dự kiến khai thác và làm giàu trên cơ sở kết quả thăm dò và thử nghiệm công nghệ làm giàu để cung cấp nguyên liệu cho Liên hợp thép Dung Quất đã được quy hoạch.

Đối với vùng mỏ này công nghệ làm giàu và xây dựng cơ sở tuyển tinh, làm giàu quặng là quan trọng; nếu không đảm bảo hiệu quả và yêu cầu về môi trường thì cần có phương án đóng cửa mỏ và hoàn thổ theo quy định (theo tinh thần Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ) và xem như khoáng sản dự trữ hoặc sử dụng cho các mục đích khác.

Các điểm quặng đều nằm trong vùng có mật độ dân cư cao. Vì vậy trong quá trình thực hiện dự án đầu tư khai thác cần chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Cần có sự giám sát chặt chẽ của các sở, ngành, địa phương liên quan khi thực hiện dự án.

2. Khai thác, chế biến quặng Graphit vùng Hưng Nhượng:

Dự án đầu tư khai thác, làm giàu quặng graphit ở mỏ Hưng Nhượng được triển khai trong giai đoạn 2011 - 2015.

Tại đây trước mắt sẽ xây dựng dây chuyền làm giàu quy mô trung bình nhằm tuyển được tinh quặng có hàm lượng đạt 80% - 85% C. Sau đó xây dựng cơ sở tuyển tinh quặng với công nghệ tiên tiến để thu được tinh quặng Graphit loại kết tinh có hàm lượng từ 94% - 97% C, kích cỡ hạt 80 - 100 mesh, công suất 67.000 tấn/năm nhằm đáp ứng yêu cầu luyện kim, xuất khẩu được và các nhu cầu khác trong nước.

3. Khai thác, chế biến sa khoáng Titan ven biển:

Tiến hành khai thác sa khoáng Titan dọc ven biển từ huyện Bình Sơn đến huyện Mộ Đức trong giai đoạn 2011 - 2020 đối với các dự án đã được cấp phép khai thác, có Nhà máy chế biến tinh hoặc sẽ được cấp phép thăm dò, khai thác thu hồi tận dụng.

Khi tiến hành các dự án đầu tư khai thác quặng Titan cần quan tâm đến một số nội dung sau:

- Thăm dò chi tiết để khoanh định các diện tích cụ thể có hiệu quả khi đầu tư khai thác, không khai thác tại các diện tích có dân cư và chõng lán rừng phòng hộ ven biển, hành lang an toàn tuyến giao thông ven biển.

- Cấp phép khai thác quặng Titan trong thời gian ngắn, khai thác theo phương thức cuốn chiếu, khai thác từng phần, khai thác xong đến đâu hoàn nguyên môi trường đến đó.

- Không chủ trương mới về xây dựng các Nhà máy chế biến sâu tại Quảng Ngãi (trừ các cơ sở đã có chủ trương hoặc xây dựng trước đây) mà chỉ khai thác thu hồi quặng sơ chế để cung cấp cho các Nhà máy chế biến sâu tại Nam Trung bộ (Bình Thuận), phù hợp Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng quặng Titan của cả nước giai đoạn đến 2020, có xét đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Không chia nhỏ lẻ các diện tích chứa quặng cho nhiều nhà đầu tư. Lựa chọn các nhà đầu tư chuyên nghiệp, có tiềm lực kinh tế mạnh, có quy trình công nghệ khai thác tiên tiến, ít ảnh hưởng đến môi trường.

4. Khai thác, chế biến Kaolin:

Các diện tích kaolin vùng phía tây Quảng Ngãi phân bố tương đối tập trung. Sau khi thăm dò sẽ đầu tư khai thác, xây dựng cơ sở chế biến có công nghệ tiên tiến, tạo nên một cụm công nghiệp khai thác, chế biến tập trung với công suất khoảng 200.000 tấn kaolin sản phẩm/năm; kết hợp đồng thời với khai thác tận thu trữ lượng than bùn có trong vùng với công suất 20.000 tấn/năm để sản xuất phân bón.

5. Khai thác, chế biến, sử dụng tổng hợp các nguồn nước khoáng, nước nóng:

Lập dự án đầu tư khai thác mới hoặc nâng cấp các dự án khai thác nguồn nước khoáng, nước nóng tại các huyện Trà Bồng, Tư Nghĩa và Mộ Đức với mục đích sử dụng tổng hợp như du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, nước khoáng đóng chai hoặc xây dựng các nhà máy điện địa nhiệt sau khi có kết quả thăm dò chi tiết, đáp ứng đủ năng lực tài chính, khả thi về kỹ thuật, có hiệu quả kinh tế - xã hội, phù hợp quy hoạch sử dụng đất.

Mở rộng, nâng công suất khai thác, đa dạng hóa các loại hình đối với điểm nước khoáng Thạch Bích.

III. Các khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản:

Về chi tiết, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi khoanh định, xác định tại Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 20/7/2009.

Trên địa bàn tỉnh, HĐND tỉnh và UBND tỉnh sẽ xem xét quyết định sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế trong từng thời kỳ, giai đoạn phát triển.

Hiện tại các mỏ, điểm quặng, điểm biểu hiện khoáng sản nằm trong diện tích rừng phòng hộ, di tích lịch sử, văn hóa, đất quốc phòng trên địa bàn tỉnh gồm các mỏ/điểm mỏ là: Vàng Trà Thủy, Kaolin An Điem, Nhôm (bauxit) An Điem, Kaolin Nước Biếc, Vàng sa khoáng Trà Veo, Đồng Đèo Cóp, Đồng Suối Nùng, Đồng Xóm Bắc, Đồng - Arsen Xuân Thu, Wolfram Xuân Thu, Wolfram Tam Dinh, Felspat Ba Lê (Đông Nam làng Rằm), Sắt Làng Rằm.

Do tính chất quý, hiếm của quặng Liti vùng La Vi - Ba Tơ đối với cả nước, vì vậy cần có sự quan tâm đặc biệt của tỉnh khi chấp thuận/cấp phép thăm dò, khai thác đối với khoáng sản này.

IV. Dự kiến vốn đầu tư:

Trên cơ sở số lượng, quy mô và chất lượng của các mỏ/điểm khoáng sản dự kiến sẽ đưa vào thăm dò, khai thác và chế biến giai đoạn 2011 - 2020. Theo định mức, đơn giá hiện hành và qua thống kê kinh nghiệm chuyên ngành về công tác địa chất, hoạt động khoáng sản tương tự cùng loại, ước tính vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch này khoảng 500 tỉ đồng.

Nguồn vốn đầu tư: Gồm vốn tự thu xếp của doanh nghiệp, vốn vay đầu tư phát triển của Nhà nước và vay thương mại, vốn liên doanh liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài.

V. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch:

1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách:

- Tạo điều kiện thuận lợi về chủ trương, cơ sở hạ tầng để đầu tư xây dựng các cụm/cơ sở công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản tập trung tại Sơn Tịnh (kaolin, graphit); Trà Bồng (graphit, vàng); Mộ Đức (quặng sắt, titan).

- Tiếp tục cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, đổi mới các trình tự, quy định kỹ thuật về thăm dò, cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản phù hợp quy định của Chính phủ và theo lộ trình phù hợp cho từng loại khoáng sản cụ thể.

- Hoàn thiện quy chế về các hoạt động khoáng sản. Thành lập các Công ty cổ phần với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm, năng lực khai khoáng, có năng lực tài chính để đầu tư vào thăm dò, khai thác và chế biến sâu khoáng sản.

- Thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản theo định hướng ưu tiên các doanh nghiệp có năng lực trong nước; liên doanh liên kết với nước ngoài trong lĩnh vực chế biến đòi hỏi kỹ thuật, công nghệ cao như chế biến quặng kaolin, graphit, vàng, ilmenit hoàn nguyên (xi titan), Liti.

- Nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong hoạt động khoáng sản như đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng vùng dự án; thu hút đào tạo và sử dụng lao động địa phương; có biện pháp chủ động bảo vệ môi trường sinh thái và tích cực tham gia cải thiện môi trường xã hội. Các doanh nghiệp thực hiện hợp tác, gắn kết chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định, có khả năng cạnh tranh, tạo thị trường bền vững. Từng bước nâng cao năng lực quản trị tài nguyên và thống kê báo cáo hoạt động khoáng sản.

2. Nhóm giải pháp về vốn đầu tư:

- Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra địa chất về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phù hợp quy hoạch, kể cả vùng thềm lục địa nông của tỉnh; trước mắt cụ thể là điều tra để làm rõ tiềm năng tài nguyên khoáng sản quý hiếm như Vàng ở vùng miền tây Quảng Ngãi, Thiếc, Wolframit, Liti, Vermiculit, Sắt ở Minh Long, Ba Tơ để làm cơ sở cho thăm dò, khai thác sau này và để phát triển bền vững các cơ sở khai thác, chế biến được hình thành, phát triển trong giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Về thu hút vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản đến năm 2020, dự kiến sẽ huy động từ các nguồn sau:

+ Vốn của doanh nghiệp.

+ Vốn Ngân sách: Hỗ trợ đầu tư một số công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào đối với các khu khai thác, tuyển luyện ở quy mô lớn.

+ Vốn vay tín dụng đầu tư của Nhà nước: Các dự án đầu tư khai thác, chế biến quặng tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành.

+ Vốn vay trong và ngoài nước.

+ Vốn đầu tư nước ngoài: Liên doanh với nước ngoài trong các dự án chế biến quặng Liti, Graphit và Kaolin sử dụng các công nghệ tiên tiến, sản phẩm nguyên liệu có giá trị kinh tế cao và có khả năng cạnh tranh.

3. Giải pháp về khoa học, kỹ thuật, công nghệ:

Về chuyên giao và tiếp nhận, ứng dụng khoa học - công nghệ:

- Tìm kiếm, lựa chọn và áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến tiên tiến phù hợp với các mỏ của tỉnh và quy mô sản xuất. Nghiên cứu và xây dựng quy trình công nghệ khai thác và chế biến sản phẩm chất lượng cao theo phương thức, mô hình kết hợp giữa Nhà nước - Tổ chức khoa học công nghệ - Doanh nghiệp khai thác chế biến khoáng sản. Trong đó, Nhà nước có vai trò tạo môi trường thuận lợi, các tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm chủ động sáng tạo và đầu tư có hiệu quả.

- Hợp tác với nước ngoài để làm giàu và chế biến quặng Liti, sản xuất graphit hàm lượng cacbon cao, kỹ thuật công nghệ khai thác hầm lò tại các mỏ vàng gốc. Từng bước tiếp thu và làm chủ, đồng hoá công nghệ để phát triển.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cơ điện tử để phục vụ quản lý, điều hành khai thác mỏ, quản trị tài nguyên khoáng sản.

4. Giải pháp về phát triển và đào tạo nguồn nhân lực:

Chú trọng đào tạo đội ngũ quản lý, quản trị kinh doanh khoáng sản có đủ trình độ để đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp và quản lý trong môi trường cạnh tranh, hội nhập. Thực hiện đào tạo, đào tạo lại đội ngũ lao động và cán bộ kỹ thuật tại chỗ tại các khâu khai thác, tuyển luyện phù hợp với quy mô và điều kiện khai thác.

5. Giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoáng sản phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của luật khoáng sản, thực hiện đúng đủ các giải pháp, biện pháp nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Có giải pháp đồng bộ, hữu hiệu bảo vệ môi trường trong khai thác và chế biến khoáng sản theo hướng từng bước áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Hoàn trả mặt bằng, phục hồi môi trường sau khai thác hoặc sử dụng hợp lý, có hiệu quả mặt bằng sau khai thác.

- Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý môi trường tiên tiến, áp dụng sản xuất sạch hơn trong tất cả các công đoạn sản xuất chính.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước tăng cường kiểm tra, giám sát hiện trạng khai thác, chế biến, hiện trạng môi trường và việc thực hiện các biện pháp đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền:

Thực hiện công bố công khai Quy hoạch đã được phê duyệt đến các cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan theo quy định và có cơ chế tiếp nhận phản hồi thông tin khi xuất hiện các nội dung, vấn đề cần sửa đổi, bổ sung vào Quy hoạch cho phù hợp tình hình thực tiễn trong quá trình tổ chức thực hiện.

(Phần chi tiết như Báo cáo quy hoạch kèm theo)

Hiện tại, Quy hoạch khoáng sản cũ của tỉnh Quảng Ngãi đã hết hiệu lực từ năm 2010 nên việc ban hành Quy hoạch này là rất cần thiết và cấp bách để đảm bảo việc quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn đúng theo quy định.

UBND tỉnh Quảng Ngãi rất mong Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương sớm có ý kiến thỏa thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: C,PVP(CN), CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.220.



CHỦ TỊCH

Cao Khoa